Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 36

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ VĨNH CHÂN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 2D	Giáp địa giới hành chính xã Hạ Hòa	Chùa Phúc Sơn	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
2		Giáp chùa Phúc Sơn	Nhà ông Toàn Vinh	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
3		Giáp nhà ông Toàn Vinh	Cống Ngòi Chan	4.800	2.600	1.900	1.900	1.100	800	1.400	800	600
4		Cống Ngòi Chan	Nghĩa trang liệt sĩ	6.000	3.300	2.400	2.400	1.300	1.000	1.800	1.000	700
5		Nghĩa trang liệt sĩ	Trường tiểu học Vụ Cầu	6.000	3.300	2.400	2.400	1.300	1.000	1.800	1.000	700
6		Trường tiểu học Vụ Cầu	Giáp địa giới hành chính xã Hoàng Cương	5.400	3.000	2.200	2.200	1.200	900	1.600	900	600
7	Đường tỉnh 320D	Ngã 3 giáp Quốc lộ 2D	Đường rẽ trường THCS Vĩnh Chân	4.800	2.600	1.900	1.900	1.100	800	1.400	800	600
8		Đường rẽ trường THCS Vĩnh Chân	Trạm y tế Vĩnh Chân	5.400	3.000	2.200	2.200	1.200	900	1.600	900	600
9		Giáp Trạm y tế Vĩnh Chân	Giáp nhà ông Lượng, Khu 5 Yên Luật cũ, đoạn ngã 3 rẽ vào chùa Đông Yên	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
10		Nhà ông Lượng Khu 5 Yên Luật cũ, đoạn ngã 3 đường rẽ vào chùa Đông Yên	Giáp địa giới hành chính xã Yên Kỳ	2.100	1.160	840	840	460	340	630	350	250
11	Đường trục chính	Ngân hàng nông nghiệp	Cầu Bờ Lối	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
12		Cầu Bờ Lối	Ngã 3 ông Kiên Hằng	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
13		Ngã 3 bà Liễu	Cửa ngòi 2 miệng	1.100	600	400	400	250	200	300	200	100
14		Cửa ngòi 2 miệng	Ngã 4 đường tỉnh 320D	1.200	700	500	500	300	200	400	200	100
15	Đường liên xã	Ngã ba Bưu điện điểm Lang Sơn	Đường sắt cắt ngang	4.200	2.300	1.700	1.700	900	700	1.300	700	500
16		Đường sắt cắt ngang	Nhà ông Thắng Huyền (Khu 3 Lang Sơn cũ)	3.600	2.000	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
17		Nhà ông Ngọc (Khu 1 Lang Sơn cũ)	Ngã 3 nhà ông Tùng Lĩnh (Khu 2 Lang Sơn cũ)	2.700	1.500	1.100	1.100	600	400	800	400	300
18		Cổng trường tiểu học Mai Tùng	Kênh Lửa Việt	2.100	1.160	840	840	460	340	630	350	250
19		Giáp địa giới hành chính xã Hạ Hòa	Giáp nhà ông Tuấn Tình (Lang Sơn cũ)	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
20		Nhà ông Tuấn Tình (Lang Sơn cũ)	Giáp ngã 3 nhà ông Hiền Liệu (Khu 3 Lang Sơn cũ)	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
21	Đường liên xã	Ngã 3 nhà ông Hiền Liệu (Khu 3 Lang Sơn cũ)	Ngã 3 nhà ông Hải Hoa Yên Luật cũ (giáp TL 320D)	2.100	1.160	840	840	460	340	630	350	250
22		Đường rẽ đập Thắng Lợi	Giáp địa giới hành chính xã Yên Kỳ	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
23		Ngã 3 nhà ông Dụ Liệu khu 4, xã Yên Luật cũ	Lối rẽ đập Thắng Lợi	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
24	Các tuyến đường khác	Đoạn đường liên thôn xóm		800	440	320	320	180	130	240	130	100
25		Ngã tư đường tỉnh 320D (cổng ngân hàng cũ) qua UBND xã Vĩnh Chân cũ	Giáp nhà ông Liên Thuần khu 9 Vĩnh Chân cũ	2.700	1.500	1.100	1.100	600	400	800	400	300
26		Nhà ông Hạnh, khu 7	Nhà ông Phách khu 7	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
27		Nhà ông Liên Thuần khu 9 Vĩnh Chân cũ	Khu 12 Thôn Chân Lao Vĩnh Chân cũ	1.000	550	400	500	280	200	400	220	160
28		Khu 13 Vụ Cầu	Khu 14 Vụ Cầu	1.000	550	400	500	280	200	400	220	160
*	**Khu đấu giá**											
29	Đấu giá khu 2 Lang Sơn cũ			4.000			1.600			1.200		
30	Đấu giá khu 2 Yên Luật cũ			4.000			1.600			1.200		
31	Đấu giá khu 2 Mai Tùng cũ			4.000			1.600			1.200		
32	Đấu giá khu 11 Chân Lao Vĩnh Chân cũ			3.700			1.500			1.100		
33	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			500			200			150		